

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

PHỤ LỤC 8

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN Y TẾ TỈNH BẮC GIANG
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

Bắc Giang 9- 2020

MỤC LỤC

Phần I HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN LĨNH VỰC Y TẾ	1
I. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN Y TẾ, CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN GIAI ĐOẠN 2011-2020	1
1. Hoạt động khám chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh.....	1
1.1. Về mạng lưới cơ sở y tế	1
1.2. Về nhân lực y tế	1
1.3. Phát triển chuyên môn trong khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng	2
1.4. Về công tác phòng chống dịch bệnh.....	3
1.5. Về tiếp cận dịch vụ khám chữa bệnh của nhân dân.....	3
2. Dân số.....	4
3. Về thực hiện chỉ tiêu phát triển ngành y tế	4
II. HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG Y TẾ.....	5
1. Mạng lưới cơ sở y tế	5
2. Cơ sở vật chất	8
III. ĐÁNH GIÁ CHUNG	9
1. Những kết quả đạt được.....	9
2. Tồn tại, hạn chế.....	10
Phần II.....	11
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN Y TẾ TỈNH BẮC GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050.....	11
I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH	11
II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN	11
III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN	12
IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	12
1. Về tổ chức mạng lưới y tế.....	12
1.1. Đối với hệ thống cơ sở y tế công lập	12
1.2. Đối với hệ thống y tế ngoài công lập	13
2. Phát triển nhân lực y tế.....	13
3. Phát triển dược, kiểm nghiệm thuốc, trang thiết bị y tế.....	14
4. Phát triển thông tin y tế và ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành y tế.....	14
5. Phát triển dân số.....	14
V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG Y TẾ	15
1. Dự báo các yếu tố tác động.....	15
2. Quan điểm phát triển.....	15
3. Các tiêu chuẩn, quy định áp dụng.....	15
4. Mục tiêu phát triển hạ tầng y tế.....	16
5. Quy hoạch phát triển mạng lưới.....	16

5.1. Cơ sở công lập.....	16
5.1.1. Tuyển tỉnh	16
5.1.2. Tuyển huyện.....	16
5.2. Các cơ sở y tế ngoài công lập	20
Nguồn: Sở Y tế và nhóm chuyên gia.....	23
6. Nhu cầu sử dụng đất.....	24
7. Nhu cầu vốn đầu tư	24
7.1. Từ nguồn ngân sách Nhà nước	24
7.2. Thu hút đầu tư và xã hội hóa.....	26
VI. TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN Y TẾ ĐẾN NĂM 2050	29
1. Mục tiêu	29
2. Phương hướng.....	29
3. Phát triển hạ tầng.....	29
VII. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH	29
1. Nhóm giải pháp về quản lý nhà nước về y tế.....	29
2. Nhóm giải pháp về đổi mới tài chính và huy động nguồn lực đầu tư	30
3. Nhóm giải pháp về phát triển khoa học công nghệ	31
4. Giải pháp huy động vốn đầu tư và đảm bảo quỹ đất đầu tư dự án	31

Phần I

HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN LĨNH VỰC Y TẾ

I. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN Y TẾ, CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN GIAI ĐOẠN 2011-2020

1. Hoạt động khám chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh

1.1. Về mạng lưới cơ sở y tế

Giai đoạn 2011 - 2020, hệ thống tổ chức cơ sở y tế tỉnh Bắc Giang được kiện toàn, đổi mới, phát triển đồng đều ở cả y tế công lập và ngoài công lập.

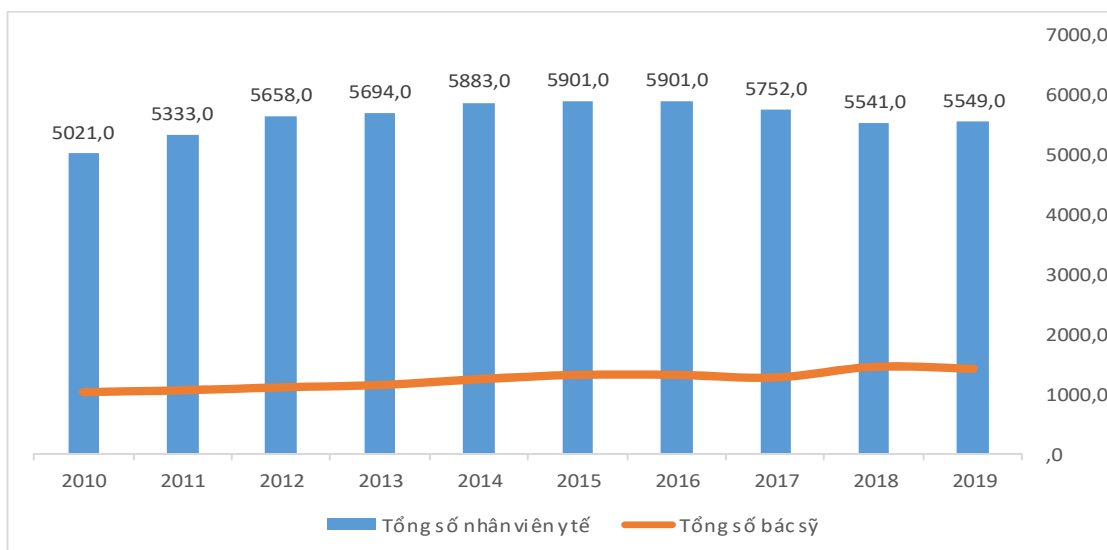
Toàn tỉnh hiện có 233 cơ sở y tế công lập (11 đơn vị tuyến tỉnh, 13 đơn vị tuyến huyện và 209 trạm y tế xã). Trong đó, ngoài các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh và trung tâm y tế tuyến huyện đặt tại trung tâm 10 huyện, thành phố, các bệnh viện chuyên khoa được thành lập khá đầy đủ theo hệ thống bệnh viện chuyên khoa của Trung ương, gồm Bệnh viện Sản - Nhi, Bệnh viện Ung Bướu, Bệnh viện Nội tiết, Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Y học cổ truyền và Bệnh viện Phục hồi chức năng. Ngoài ra, còn có 01 bệnh viện ngành (Bệnh viện quân y 110 cơ sở 2 với quy mô 60 giường bệnh); 01 Phòng khám đa khoa giao thông vận tải; 01 Bệnh xá Công an tỉnh.

Công tác xã hội hoá dịch vụ y tế phát triển mạnh với các phòng khám, bệnh viện đa khoa, chuyên khoa ngoài công lập, đã góp phần giảm tải cho hệ thống y tế công lập, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân địa phương tiếp cận với các dịch vụ y tế, khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe. Đến nay toàn tỉnh có 421 cơ sở y tế ngoài công lập, trong đó có 07 bệnh viện, 28 phòng khám đa khoa, 386 phòng khám chuyên khoa, tập trung chủ yếu ở thành phố Bắc Giang.

1.2. Về nhân lực y tế

Đội ngũ cán bộ y tế tỉnh Bắc Giang đã được tăng cường về số lượng và trình độ chuyên môn. So sánh một số chỉ tiêu từ năm 2010 đến năm 2020: Số bác sĩ/10.000 dân tăng từ 6,7 lên mức 10,1, tương đương với mức bình quân cả nước; số dược sĩ đại học/10.000 dân tăng từ 0,3 lên 1,3; tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ đạt 100%. Duy trì 100% số trạm y tế xã có y sĩ sản nhi hoặc nữ hộ sinh; 100% thôn/bản có nhân viên y tế hoạt động; 100% xã/phường/thị trấn có cán bộ dân số và thôn, bản có cộng tác viên dân số.

Tổng số công chức, viên chức y tế trong hệ thống y tế công lập tăng trong giai đoạn 2010 - 2015, sau đó giảm ở giai đoạn 2016 - 2019. Tỷ lệ cán bộ y tế có trình độ trung cấp 47%, cao đẳng 8,2%, đại học đạt 31,5% và sau đại học đạt 13,4% trong tổng số cán bộ y tế.

Hình 1: Nhân lực y tế tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2010-2019

Nguồn: Sở Y tế tỉnh Bắc Giang

Bảng 1: Phát triển nhân lực y tế giai đoạn 2010 - 2020

TT	Chỉ tiêu về nhân lực	Thực hiện năm 2010	Ước thực hiện năm 2020	Mục tiêu quy hoạch đến năm 2020	Ước năm 2020 so với quy hoạch (%)
1	Số bác sỹ/10.000 dân	6,7	10,1	8,0	126,3
2	Số dược sỹ đại học/10.000 dân	0,3	1,3	2,0	65,0
3	Tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ làm việc (%)	92,6	100	100	100
4	Tỷ lệ trạm y tế có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi (%)	100	100	100	100

Nguồn: Cục thống kê và Sở Y tế tỉnh Bắc Giang

1.3. Phát triển chuyên môn trong khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng

Nhiều kỹ thuật mới, hiện đại đã được áp dụng vào khám chữa bệnh tại các bệnh viện tuyến tỉnh, như: Kỹ thuật chụp và can thiệp tim mạch, kỹ thuật tiêu sợi huyết khối, đặt stent cho bệnh nhân bị hẹp, tắc động mạch vành, nhồi máu cơ tim; phẫu thuật cắt u trung thất, phẫu thuật dịch chuyển mạch nối thông động tĩnh mạch, phẫu thuật thay đoạn động mạch chủ, kỹ thuật nút mạch trong điều trị u xơ tử cung, vết thương mạch máu có ghép mạch, tán sỏi thận qua da đường hầm nhỏ; phẫu thuật tim mở; kỹ thuật nội soi phế quản dơi dưới gây mê, nội soi phế quản ống mềm, phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ, chọc hút hạch/u, tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm. Tuyến huyện đã thực hiện được phẫu thuật nội soi dạ dày, ruột

thừa, vùng hồ chấu, chạy thận nhân tạo, phẫu thuật kết hợp xương, phẫu thuật Crossen, chụp cắt lớp vi tính CT scanner. Tuyến xã thực hiện được các kỹ thuật cơ bản cho cấp cứu ban đầu và các bệnh thông thường, 100% số xã đã triển khai được siêu âm chẩn đoán.

1.4. Về công tác phòng chống dịch bệnh

Ngành y tế tiếp tục chủ động trong phòng chống dịch bệnh, ngăn chặn và không chế kịp thời dịch bệnh, không để dịch bệnh lây lan rộng và không có dịch bệnh lớn xảy ra. Đặc biệt năm 2020, tỉnh đã khống chế và kiểm soát tốt dịch bệnh Covid-19. Năng lực dự báo, giám sát và phòng chống dịch bệnh của các cơ sở y tế dự phòng đã được cải thiện. Hệ thống y tế dự phòng trên địa bàn tỉnh được tổ chức chặt chẽ, thống nhất và chuyên môn hóa từ tỉnh đến huyện. Công tác phòng, chống dịch bệnh đã đạt được những kết quả tích cực. Tổng số ca mắc bệnh truyền nhiễm hàng năm có xu hướng giảm dần. So sánh kết quả năm 2019 với năm 2010: Tổng số ca mắc bệnh truyền nhiễm giảm từ 37.327 ca xuống còn 12.758 ca (giảm 2,9 lần); một số bệnh truyền nhiễm có chỉ số mắc cao đều giảm dần theo từng năm như: Số ca mắc bệnh cúm giảm từ 25.171 ca xuống 5.948 ca (giảm 4,2 lần), số ca mắc tiêu chảy giảm từ 11.017 ca xuống 4.053 ca (giảm 2,7 lần).

1.5. Về tiếp cận dịch vụ khám chữa bệnh của nhân dân

Số lượt khám chữa bệnh trung bình/người/năm tại các cơ sở y tế công lập là 1,82 lượt/người/năm. Tổng số lượt khám bệnh tại các cơ sở y tế công lập có xu hướng giảm dần qua các năm (đặc biệt là giai đoạn 2016 - 2020), giảm mạnh nhất tại tuyến xã (giảm 2,2 lần so với năm 2010). Trong khi đó, giai đoạn 2015 - 2019, số lượt khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế tư nhân đã tăng 5,8 lần. Tỷ lệ khám chữa bệnh tại cơ sở y tế ngoài công lập/tổng số khám chữa bệnh chung của toàn tỉnh năm 2015 là 6,8%, năm 2016 là 16,7%, năm 2017 là 25,3%, năm 2018 là 28,7%, năm 2019 là 32,7%.

Số lượt người bệnh điều trị nội trú tại các cơ sở y tế công lập tăng dần qua các năm. Toàn tỉnh tăng trung bình 5,8%/năm, trong đó: Tuyến tỉnh tăng 6,8%/năm, tuyến huyện tăng 5,0%/năm. So sánh lượt điều trị nội trú năm 2019 với năm 2010 toàn tỉnh tăng 1,6 lần (tuyến tỉnh tăng 1,5 lần, tuyến huyện tăng 1,7 lần). Số lượt điều trị nội trú trong các cơ sở y tế ngoài công lập cũng tăng nhanh trong những năm gần đây. Số lượt điều trị nội trú tăng từ 7.486 lượt (năm 2016) lên 21.652 lượt (năm 2019), chiếm tỷ lệ 7,96% so với toàn tỉnh năm 2019.

Điều này cho thấy ngoài vai trò chủ đạo của y tế công lập thì có vai trò ngày càng tăng của y tế tư nhân trong việc giảm tải hệ thống y tế cơ sở công lập. Tuy nhiên vai trò trong khám chữa bệnh chuyên sâu còn khiêm tốn so với hệ thống y tế công lập. Đồng thời cũng cho thấy, y tế tuyến xã chưa phát huy được vai trò chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân mặc dù thuận lợi nhất về khoảng cách địa lý để người dân tiếp cận y tế tuyến xã nhưng số lượt khám lại giảm nhiều nhất trong giai đoạn. Đây là vấn đề cần giải quyết trong thời kỳ quy hoạch cần nâng cao chất lượng

phục vụ nhằm nâng cao, đặt đúng vị trí vai trò của y tế xã trong chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, giảm tải cho y tế tuyến trên. Và cần phát huy hơn nữa vai trò của y tế ngoài công lập trên địa bàn tỉnh.

2. Dân số

Quy mô dân số năm 2020 tăng 1,17 lần so với năm 2010; tốc độ tăng dân số bình quân là 1,73%/năm; tổng tỷ suất sinh (số con bình quân của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ) ở mức 2,31 con, tăng 0,35 con so với năm 2010 (cao hơn tổng tỷ suất sinh toàn quốc là 2,09 con); tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh giảm rõ rệt. Năm 2010 tỷ số giới tính khi sinh của tỉnh là 119 bé trai/100 bé gái, năm 2019 giảm còn 113,8 bé trai/100 bé gái. Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 1 tuổi (thể nhẹ cân) giảm còn 12,0%; thể thấp còi giảm còn 23,5% (cả hai chỉ số này đều đạt mục tiêu kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020 và tương đương mức bình quân của cả nước).

Tuổi thọ trung bình của người dân trên địa bàn tỉnh đã tăng lên đáng kể. Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở ngày 01/4/2019 cho thấy tuổi thọ trung bình của người dân tỉnh Bắc Giang đạt 73,4 tuổi (tương đương mức bình quân của cả nước), tăng 0,6 tuổi so với năm 2010 (72,8 tuổi).

3. Về thực hiện chỉ tiêu phát triển ngành y tế

Với chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị được nâng cấp, nhân lực y tế được tăng cường về số lượng và trình độ so với đầu giai đoạn giúp chất lượng khám, chữa bệnh tiến bộ, nhiều bệnh nhân được chữa trị bằng kỹ thuật cao, hạn chế phải đưa lên tuyến trên; đã chủ động trong phòng chống dịch bệnh, ngăn chặn và khống chế kịp thời dịch bệnh, không để dịch bệnh lây lan rộng và không có dịch bệnh lớn xảy ra. Nhìn chung các chỉ tiêu phát triển ngành y tế có nhiều chuyển biến tích cực trong giai đoạn 2011-2019, nhiều chỉ tiêu đạt và vượt mức trung bình cả nước như tuổi thọ trung bình của người dân, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 1 tuổi (thể nhẹ cân), thể thấp còi đạt mức bình quân của cả nước; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi và tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi thấp hơn rất nhiều so với mức bình quân cả nước.

Bảng 2: Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu y tế giai đoạn 2011-2019

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2015	Năm 2019
1	Tuổi thọ trung bình của người dân	Tuổi			73,4
2	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin	%	99,4	97	96,5
3	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	2,3	2,1	0,2
4	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	‰	3,8	3,3	0,5
5	Tỷ số tử vong mẹ liên quan đến thai sản	BM/100.000 trẻ đẻ sống	6,6	8,3	11,4

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2015	Năm 2019
6	TL trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (thể nhẹ cân)	%	18,5	14,8	12,4
7	Dân số trung bình	Người	1.586.023	1.666.978	1.810.421
8	Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	1,12	1,16	1,15
9	Tỷ số giới tính khi sinh	Số bé trai/100 bé gái	119,7	115,4	113,8
10	Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	0,3	0,2	tăng 0,25

Nguồn: Cục Thống kê và Sở Y tế tỉnh Bắc Giang

II. HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG Y TẾ

1. Mạng lưới cơ sở y tế

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, hệ thống y tế công lập tỉnh Bắc Giang đã đổi mới, sắp xếp thu gọn đầu mối nhằm tăng cường, tập trung các nguồn lực. Sau khi sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp, ngành y tế đã giảm từ 278 đơn vị năm 2015 xuống còn 233 đơn vị vào năm 2020.

Bảng 3: Hệ thống tổ chức cơ sở y tế giai đoạn 2010 - 2020

TT	Cơ sở y tế	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2020
I	Tuyến tỉnh	16	17	11
1	Bệnh viện	7	7	8
2	Trung tâm chuyên ngành	8	9	2
3	Trường Trung cấp y tế	1	1	1
II	Tuyến huyện	31	31	13
1	Trung tâm y tế	10	10	10
2	Bệnh viện Đa khoa	8	8	0
3	Trung tâm Dân số - KHHGD	10	10	0
4	Phòng khám đa khoa khu vực	3	3	3
III	Tuyến xã	230	230	209
1	Trạm y tế xã/phường/thị trấn	230	230	209
Tổng:		277	278	233

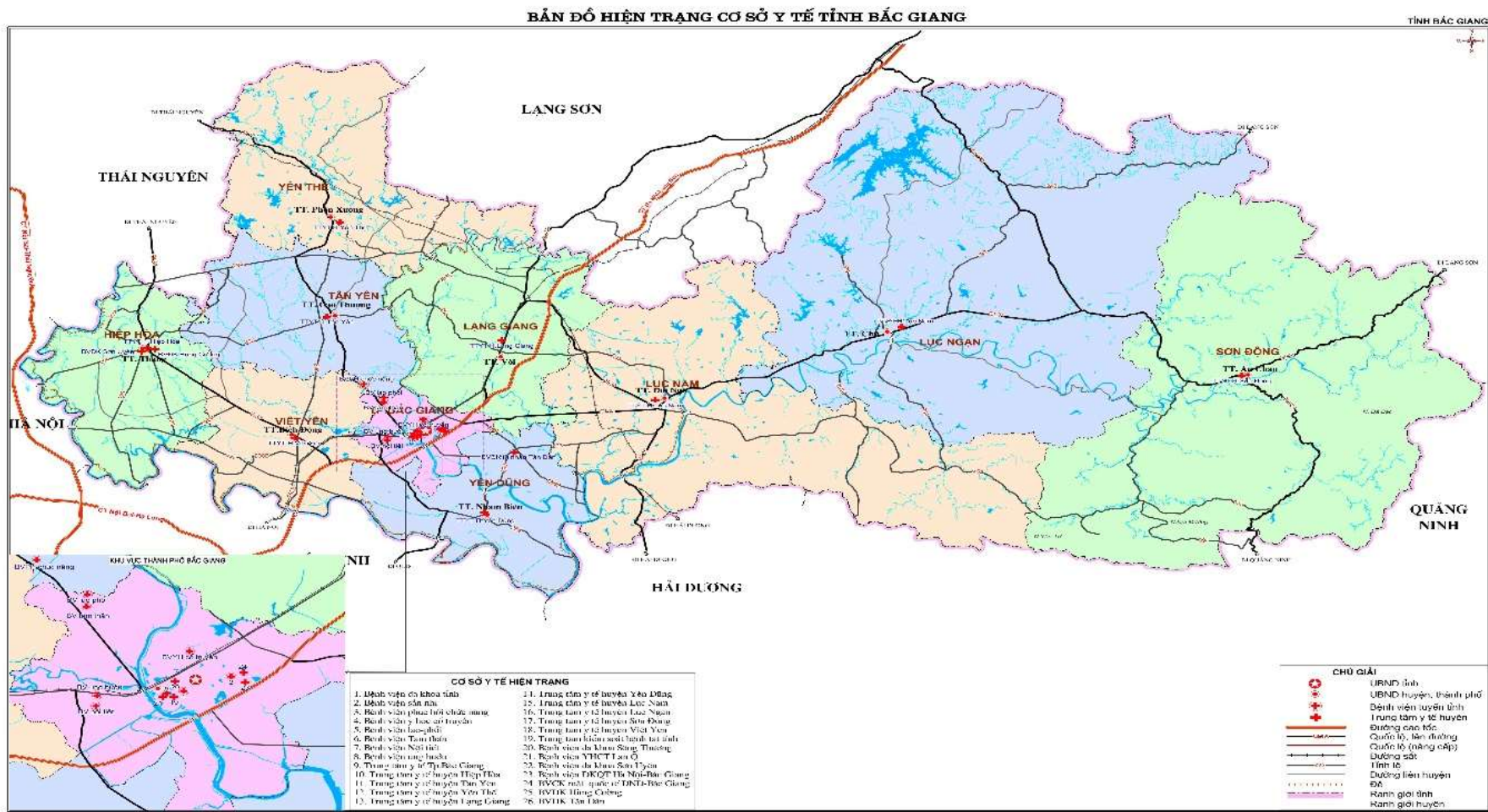
Nguồn: Cục Thống kê và Sở Y tế tỉnh Bắc Giang

Hệ thống cơ sở y tế ngoài công lập phát triển nhanh. Tổng số cơ sở y tế ngoài công lập tăng 4,3 lần, từ 98 cơ sở (năm 2010) lên 421 cơ sở (năm 2020). Trong đó, số bệnh viện đa khoa/chuyên khoa tăng 3,5 lần, từ 2 bệnh viện (năm 2010) lên 7 bệnh viện (năm 2020); số phòng khám đa khoa tăng 4,7 lần, từ 6 phòng khám đa khoa (năm 2010) lên 28 phòng khám đa khoa (năm 2020); số phòng khám chuyên khoa tăng 4,8 lần, từ 86 phòng khám chuyên khoa (năm 2010) lên 386 phòng khám

chuyên khoa (năm 2020). Một số bệnh viện ngoài công lập có cơ sở hạ tầng y tế khá như Bệnh viện chuyên khoa Mắt Quốc tế DND Bắc Giang, Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hà Nội- Bắc Giang, Bệnh viện tư nhân Tân Dân. Tổng số cơ sở kinh doanh thuốc trên địa bàn tỉnh tăng 1,8 lần, từ 622 cơ sở (năm 2010) lên 1.118 cơ sở (năm 2020), trong đó tăng cao nhất là số nhà thuốc: tăng 3,8 lần so với năm 2010.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh hiện nay còn có 01 bệnh viện ngành (Bệnh viện quân y 110 cơ sở 2 với quy mô 60 giường bệnh); 01 Phòng khám đa khoa giao thông vận tải; 01 Bệnh xá Công an tỉnh.

Hình 2: Hiện trạng mạng lưới cơ sở y tế tỉnh Bắc Giang



2. Cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất bệnh viện công lập được quan tâm đầu tư nâng cấp, mở rộng. Đầu tư từ ngân sách nhà nước cho y tế liên tục tăng qua các năm, tỷ lệ chi ngân sách cho y tế so với tổng chi ngân sách địa phương tăng từ 6,3% (năm 2010) lên 11,4% (năm 2019), cao hơn so với mức trung bình cả nước (tỷ lệ chi ngân sách y tế so với tổng chi ngân sách của cả nước năm 2019 là 6,98%). Trong giai đoạn 2010 - 2020, đã đầu tư trên 2.150 tỷ đồng để xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng và mua sắm trang thiết bị y tế cho các cơ sở y tế.

Giai đoạn 2010-2020, đã tăng thêm 145.290 m² sàn được đưa vào sử dụng, bao gồm 124.500 m² sàn xây mới, 20.790 m² sàn cải tạo, sửa chữa, cụ thể:

+ Giai đoạn 2010 - 2015: Hoàn thành việc xây mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và đưa vào sử dụng các đơn vị: Bệnh viện Sản Nhi, Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Tâm thần, 03 BVĐK các huyện Sơn Động, Yên Thế, Tân Yên (nay là TTYT đa chức năng), 02 trung tâm y tế (cũ): Sơn Động, Yên Thế; Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS (nay là Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh).

+ Giai đoạn 2016 - 2020: Hoàn thành việc xây mới một số hạng mục của BVĐK tỉnh: Khối điều trị nội trú (9 tầng) diện tích sàn 14.000 m², khoa kiểm soát nhiễm khuẩn (3 tầng) diện tích sàn 1.200 m², hệ thống khí y tế và các hạng mục phụ trợ, nhà Nội Thận tiết niệu; Bệnh viện Sản Nhi: Khối nhà 7 tầng diện tích sàn 7.150 m², khoa kiểm soát nhiễm khuẩn 440 m²; Bệnh viện Ung bướu diện tích sàn 10.100 m²; Bệnh viện Nội tiết diện tích sàn 8.000 m²; Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng diện tích sàn 1.400 m²; Trung tâm Y tế huyện Việt Yên diện tích sàn 1.500 m²; Trung tâm Y tế huyện Tân Yên diện tích sàn 1.250 m²; sửa chữa khu nhà điều trị nội trú Bệnh viện Phổi; Nhà xạ trị thuộc Bệnh viện Ung bướu; cải tạo, sửa chữa Bệnh viện Y học Cổ truyền vị trí mới. Xây mới, cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất cho nhiều trạm y tế xã/phường/thị trấn để đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

Hoàn thành xây dựng khối nhà điều trị nội trú 5 tầng của Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa từ nguồn vốn vay Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bắc Giang; khởi công xây mới khối nhà trung tâm, khối nhà chuyên khoa đặc thù, khoa truyền nhiễm và các hạng mục phụ trợ của BVĐK tỉnh; khởi công Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh; 04 Dự án ĐTXD mở rộng quy mô giường bệnh của 04 đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Tân Yên, Lạng Giang, Hiệp Hòa và Bệnh viện PHCN.

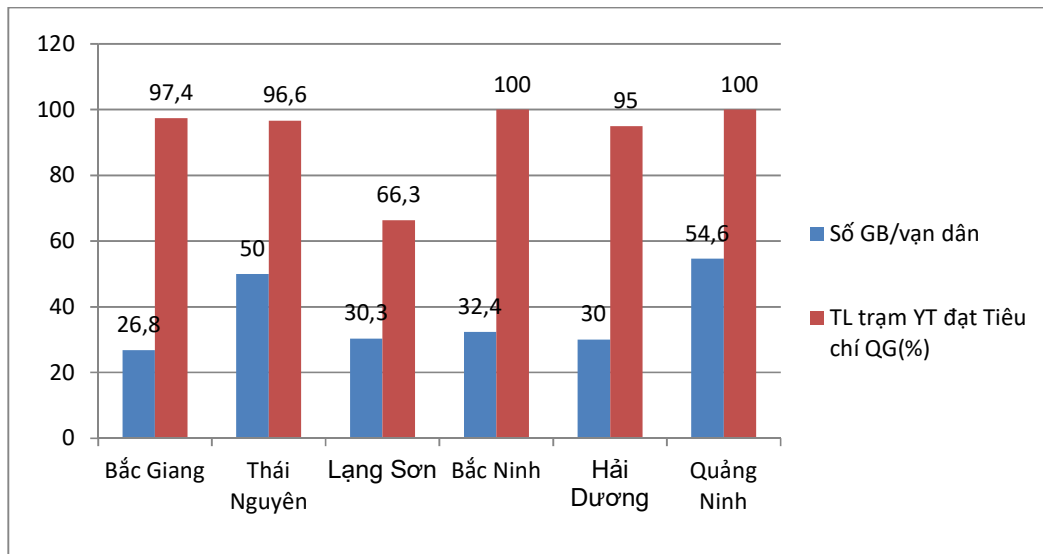
Đến năm 2020, số giường bệnh viện/10.000 dân (bao gồm cả giường bệnh công lập và ngoài công lập) tăng từ 16,1 (năm 2010) lên 27 (năm 2020), vượt mục tiêu quy hoạch (25 giường bệnh/10.000 dân), tuy nhiên vẫn thấp hơn so với bình quân cả nước (trung bình cả nước ước năm 2020 là 28,0 giường bệnh/10.000 dân). Tỷ lệ xã/phường/thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2020 đạt 100% (đạt mục tiêu quy hoạch).

- Về trang thiết bị y tế: Tăng hơn 500 chủng loại thiết bị y tế được đưa vào phục vụ phát triển chuyên môn kỹ thuật, trong đó là một số thiết bị hiện đại, để triển

khai kỹ thuật cao như: Hệ thống xạ trị, Hệ thống chụp mạch máu kỹ thuật số xóa nền DSA phục vụ can thiệp tim mạch, hệ thống chụp cộng hưởng từ 1.5 T, máy chụp CT scanner 64 dãy 128 lát cắt, hệ thống tim phổi nhân tạo. Tuyển huyện được đầy tư máy chụp cắt lớp vi tính CT scanner, máy siêu âm màu 4D, 3D, hệ thống xét nghiệm sinh hóa tự động, huyết học tự động, xét nghiệm miễn dịch tự động, hệ thống phẫu thuật nội soi full HD ổ bụng, các bộ dụng cụ phẫu thuật sản phụ khoa, phẫu thuật sọ não, phẫu thuật chấn thương chỉnh hình.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 10 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực y tế, được được cấp giấy chứng nhận đầu tư¹ với diện tích 3,34 ha, tổng số vốn đăng ký 498,91 tỷ đồng, số giường bệnh điều trị nội trú là 527 giường. Các bệnh viện, phòng khám tư nhân đã góp phần tích cực trong việc khám chữa bệnh cho nhân dân, giúp nhân dân có nhiều lựa chọn trong việc khám chữa bệnh, tránh quá tải trong các bệnh viện công lập.

Hình 3: So sánh một số chỉ tiêu y tế năm 2019 với một số tỉnh



Nguồn: Sở Y tế tỉnh Bắc Giang

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân tỉnh Bắc Giang đạt được những thành tựu, bước tiến quan trọng. Hệ thống y tế từng bước được củng cố và kiện toàn từ tỉnh đến huyện, xã; mạng lưới y tế cơ sở được củng cố; nhiều dịch bệnh nguy hiểm được khống chế và đẩy lùi; các dịch vụ y tế ngày một đa dạng; cơ sở vật chất, điều kiện làm việc và phục vụ bệnh nhân được cải thiện; việc cung

¹ gồm: Bệnh viện đa khoa tư nhân Sông Thương Bắc Giang, Bệnh viện đa khoa quốc tế Hà Nội - Bắc Giang, Đầu tư xây dựng bệnh viện y học cổ truyền Lan Q, Bệnh viện đa khoa Bồ Hạ, Xây dựng bệnh viện chuyên khoa mắt quốc tế HB, Xây dựng phòng khám đa khoa Tân Dân, Xây dựng bệnh viện phục hồi chức năng Phúc Thượng, Xây dựng phòng khám đa khoa Xuân Mai, Bệnh viện đa khoa Bắc Thăng Long, Xây dựng bệnh viện đa khoa Anh Quất

ứng thuốc và trang thiết bị y tế được đầu tư đáp ứng nhu cầu thiết yếu của công tác khám chữa bệnh và dự phòng; trình độ đội ngũ cán bộ y tế và chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh, phòng bệnh cho nhân dân ở các tuyến ngày càng được nâng cao. Nhiều chỉ tiêu về sức khỏe của nhân dân được cải thiện rõ rệt.

2. Tồn tại, hạn chế

Các bệnh viện tuyến tỉnh vẫn ở trong tình trạng quá tải do nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân ngày càng cao, mô hình bệnh tật thay đổi và năng lực của các cơ sở y tế tuyến dưới còn hạn chế. Nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn nhân lực bác sĩ chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển trong toàn tỉnh nói chung, nhất là lĩnh vực y tế tuyến huyện. Cơ sở vật chất từ tuyến tỉnh đến tuyến xã chưa được đầu tư đồng bộ, đặc biệt là một số trung tâm y tế huyện và trạm y tế xã. Chưa có bệnh viện tư nhân quy mô lớn, đặc biệt là bệnh viện tư nhân đạt tiêu chuẩn quốc tế để đáp ứng nhu cầu của người dân về dịch vụ y tế chất lượng cao.

Thực tế tại tỉnh Bắc Giang một số chỉ số sức khỏe, chỉ số dịch vụ y tế còn thấp so với mức trung bình của cả nước và các tỉnh lân cận như: Tỷ lệ bác sĩ/10.000 dân; tỷ lệ dược sĩ/10.000 dân; tỷ lệ giường bệnh/10.000 dân; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi; việc kiểm soát chất lượng an toàn thực phẩm còn gặp nhiều khó khăn

Tình trạng thiếu hụt nhân lực y tế, nhất là nhân lực có năng lực chuyên môn cao vẫn chưa khắc phục được, ảnh hưởng lớn đến hoạt động khám, chữa bệnh và phát triển của cơ sở khám chữa bệnh. Chưa có chính sách bền vững để giữ chân và thu hút những thầy thuốc có năng lực chuyên môn giỏi gắn bó làm việc lâu dài tại các cơ sở y tế công lập, nhất là ở tuyến huyện, xã.

Số lượt bệnh nhân chuyển viện từ tuyến tỉnh lên tuyến trung ương vẫn tăng hàng năm do một số kỹ thuật cao chưa thực hiện được tại tỉnh như: Ung thư các loại; tổn thương nội sọ, các bệnh về máu ác tính, các bệnh tim mạch. Số lượt bệnh nhân chuyển viện từ tuyến huyện và các bệnh viện tư nhân lên tuyến tỉnh tăng hàng năm do năng lực chuyên môn chưa đáp ứng nhu cầu người bệnh và do cơ chế thông tuyến khám chữa bệnh BHYT.

Năng lực chuyên môn, danh mục thuốc và chất lượng phục vụ người bệnh ở y tế cơ sở, nhất là tuyến xã cải thiện chậm, bên cạnh đó là chính sách thông tuyến trong khám, chữa bệnh BHYT còn nhiều bất cập.

Việc đổi mới hoạt động các đơn vị sự nghiệp y tế công lập còn chậm, lúng túng, chưa có mô hình, phương thức quản trị bệnh viện công phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.

Phần II

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN Y TẾ TỈNH BẮC GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Giai đoạn 2021 - 2030, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của tỉnh Bắc Giang, mức sống của nhân dân trong tỉnh sẽ được cải thiện. Sự giao thương và giao thoa văn hóa giữa các vùng miền trong cả nước, cùng với hội nhập quốc tế, vừa là cơ hội thuận lợi cho tỉnh Bắc Giang phát triển kinh tế, dịch vụ thương mại và du lịch, nhưng cũng vừa là thách thức và nhu cầu cao hơn về chăm sóc sức khỏe. Số người có nhu cầu và có điều kiện tiếp cận, sử dụng các dịch vụ y tế với kỹ thuật cao sẽ tăng lên. Tương tự như các địa phương khác trong cả nước, cơ cấu bệnh tật của Bắc Giang đã có sự thay đổi. Các bệnh truyền nhiễm có xu hướng giảm dần nhưng một số bệnh có nguy cơ bùng phát trở lại, một số bệnh dịch mới, nguy hiểm xuất hiện. Bên cạnh đó là các bệnh không lây nhiễm có xu hướng tăng nhanh như: bệnh tim mạch, ung thư, đái tháo đường, béo phì, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản, rối loạn tâm thần. Vì thế, việc phòng chống các bệnh truyền nhiễm và quản lý chặt chẽ các bệnh không lây nhiễm, các bệnh nghề nghiệp, các bệnh liên quan đến môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, lối sống, quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá, phòng chống tai nạn thương tích ...đều là các nhu cầu cần được đáp ứng của nhân dân. Do vậy, hệ thống y tế của tỉnh Bắc Giang phải được đầu tư phát triển, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, đảm bảo khả năng đáp ứng với nhu cầu ngày càng cao về phòng bệnh và khám chữa bệnh của nhân dân tỉnh Bắc Giang trong thời kỳ đến năm 2030.

Kết quả Tổng điều tra sơ bộ dân số và nhà ở ngày 01/4/2019 cho thấy Bắc Giang là tỉnh đông dân thứ 11 toàn quốc, tỉnh đang trong giai đoạn cơ cấu "dân số vàng", có nguồn nhân lực dồi dào cho sự phát triển kinh tế, xã hội. Bên cạnh đó cũng đối mặt với nhiều thách thức về mức sinh cao, sự chênh lệch giới tính khi sinh và sự già hóa dân số.

Cùng với sự thay đổi về cơ chế, chính sách trong việc ưu tiên phát triển doanh nghiệp, giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh sẽ có thêm các cơ sở sản xuất thuốc tân dược, dược liệu. Số cơ sở bản lẻ thuốc sẽ tăng theo hàng năm, tập trung phát triển tại các địa bàn xa khu vực trung tâm, đảm bảo mọi người dân được tiếp cận với dịch vụ thuận tiện.

II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Phát triển đồng bộ, toàn diện hệ thống y tế của tỉnh Bắc Giang theo hướng hiện đại và bền vững. Đảm bảo tính hệ thống, liên tục trong hoạt động chuyên môn của từng tuyến và giữa các tuyến. Phát triển hệ thống y tế theo khu vực dân cư nhằm tạo cơ hội cho mọi người dân được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe thuận lợi với chất lượng ngày càng cao.

Quan tâm phát triển tuyến y tế cơ sở, nhất là tuyến huyện; tăng cường công tác y tế dự phòng và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh ở tuyến huyện.

Phát triển hệ thống y tế Bắc Giang phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của đất nước; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân hướng tới mục tiêu công bằng, hiệu quả và ngày càng phát triển.

Phát triển hệ thống y tế theo hướng tăng cường xã hội hóa, trong đó y tế Nhà nước đóng vai trò chủ đạo, song song với phát triển y tế tư nhân; y tế dự phòng chủ động; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế; kết hợp y tế phổ cập với y tế chuyên sâu, y học hiện đại với y học cổ truyền.

Phát triển hệ thống y tế gắn liền với nâng cao chất lượng dân số, đảm bảo an sinh xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh.

III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

Xây dựng phát triển y tế tỉnh Bắc Giang từng bước hiện đại, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển; đủ khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của nhân dân về khám bệnh, chữa bệnh, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe. Phân đầu để mọi người dân được tiếp cận thuận lợi với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng, giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống, chất lượng nguồn nhân lực. Xây dựng và phát triển hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật đủ năng lực phát hiện sớm, khống chế kịp thời dịch bệnh, kiểm soát các yếu tố nguy cơ phổ biến ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Nâng cao chất lượng dân số, phân đầu đạt và duy trì mức sinh thay thế; giảm thiểu tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh.

Phân đầu các chỉ tiêu phát triển của ngành đạt mức khá so với khu vực và cả nước. Đến năm 2030 số giường bệnh/vạn dân đạt 40 giường; số lượng bác sĩ/vạn dân đạt 15 bác sĩ; số lượng dược sĩ/vạn dân đạt 03 dược sĩ; duy trì 100% trạm y tế xã/phường/thị trấn có bác sĩ làm việc; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 99%. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt trên 97%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân dưới 9%, thể thấp còi dưới 19%; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi dưới 15‰; tỷ số tử vong mẹ liên quan đến thai sản dưới 30 BM/100.000 trẻ đẻ sống.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Về tổ chức mạng lưới y tế

1.1. Đối với hệ thống cơ sở y tế công lập

Củng cố, phát triển quy mô các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa hiện có, thành lập đầu tư mới các bệnh viện chuyên khoa mới để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe đặc thù theo nhóm tuổi trong thời kỳ quy hoạch, đó là độ tuổi sinh đẻ cao

do dân số trong độ tuổi lao động di dân đến, xu hướng tăng dân số già của tỉnh... là các bệnh viện vệ tinh của bệnh viện Trung ương. Phát triển hài hoà giữa y học hiện đại và y học cổ truyền.

Xây dựng hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật đồng bộ, đủ năng lực dự báo, kiểm soát các bệnh lây nhiễm, không lây nhiễm và các bệnh liên quan đến môi trường sống. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh phát triển ngang tầm với một số tỉnh, thành phố lớn, trong đó có thành lập trung tâm xét nghiệm công nghệ cao và xây dựng Labo xét nghiệm đạt ISO 15189 và đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp 3, có khả năng phân lập được vi rút, vi khuẩn.

Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các trạm y tế xã, phường, thị trấn, tập trung vào các nhiệm vụ chính thuộc lĩnh vực y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu. Xây dựng mô hình thí điểm trạm y tế tuyến xã hoạt động theo nguyên lý y học gia đình, phòng khám bác sĩ gia đình cùng làm nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh và khám, chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn.

1.2. Đối với hệ thống y tế ngoài công lập

Khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân; trong đó ưu tiên phát triển các bệnh viện ngoài công lập (bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa) chuyên cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao, áp dụng thiết bị công nghệ khám, chữa bệnh hiện đại, được bố trí tại các khu vực tập trung đông dân cư, khu đô thị mới, cạnh các khu công nghiệp. Các huyện, thành phố bố trí sẵn quỹ đất để thu hút đầu tư bệnh viện ngoài công lập, phấn đấu đến năm 2030 số giường bệnh ngoài công lập đạt trên 2.130 giường bệnh.

2. Phát triển nhân lực y tế

Phát triển nguồn nhân lực y tế, song song với sử dụng và quản lý có hiệu quả nguồn nhân lực y tế. Tăng cường đào tạo cơ bản, đào tạo nâng cao, đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ y tế nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu về chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của nhân dân. Đến năm 2030 đạt 15 bác sĩ/10.000 dân, 03 dược sĩ đại học/10.000 dân; duy trì 100% trạm y tế xã/phường/thị trấn có bác sĩ làm việc.

Xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ y tế có ý thức, có tinh thần thái độ phục vụ tận tụy người bệnh, phục vụ cộng đồng; bảo đảm số lượng và chất lượng, thực hiện điều chỉnh cơ cấu nguồn nhân lực để khắc phục sự mất cân đối giữa các lĩnh vực; hướng tới mục tiêu ngành y tế không có nhân lực có trình độ trung cấp. Tăng cường nhân lực y tế cho y tế cơ sở. Chú trọng phát triển nhân lực y tế có trình độ cao trong và ngoài nước; mở rộng đào tạo điều dưỡng trình độ đại học, cao đẳng, tiến tới đạt cơ cấu hợp lý giữa bác sĩ và điều dưỡng, kỹ thuật viên..., bảo đảm cân đối giữa đào tạo và sử dụng nhân lực y tế, bảo đảm cơ cấu điều dưỡng/bác sĩ phù hợp (đạt 3,8) để thực hiện chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người bệnh.

Thu hút nhân lực y tế có trình độ chuyên môn cao, chuyên sâu yên tâm công tác lâu dài tại địa phương, người có trình độ chuyên môn làm việc tại y tế cơ sở,

vùng khó khăn. Có chế độ đặc thù đối với người làm việc trong các cơ sở y tế chuyên khoa tâm thần, lao, phong.

Thành lập Trường Cao đẳng Y tế Bắc Giang có quy mô đào tạo từ 300-500 sinh viên/khóa, trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp Y tế Bắc Giang hiện nay.

3. Phát triển dược, kiểm nghiệm thuốc, trang thiết bị y tế

Phát triển mạng lưới cung ứng thuốc phù hợp với nhu cầu của người dân trên địa bàn tỉnh theo hướng tăng khả năng tiếp cận của người sử dụng. Các cơ sở y tế đảm bảo cung ứng đủ thuốc cho công tác phòng bệnh, chữa bệnh của nhân dân với chất lượng đảm bảo, an toàn và giá cả hợp lý.

Khuyến khích phát triển và đa dạng hoá các loại hình doanh nghiệp dược nhằm huy động nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thuốc phòng bệnh, chữa bệnh. Chú trọng đến sản xuất dược liệu và thuốc y học cổ truyền. Phân đầu đến năm 2030, có từ 2 đến 5 cơ sở sản xuất thuốc tân dược, dược liệu. Quy hoạch phát triển và mở rộng các vùng trồng dược liệu, tập trung các dược liệu quý có giá trị kinh tế cao hoặc có nhu cầu sử dụng lớn như: Cây ba kích, kim thiên thảo, địa liền, ích mẫu.

Xây dựng Trung tâm Kiểm nghiệm của tỉnh đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt phòng thí nghiệm” (GLP).

Tăng cường đầu tư trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập để phát triển kỹ thuật và nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh.

Tăng cường công tác quản lý, khai thác sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa trang thiết bị y tế để tăng hiệu quả đầu tư trang thiết bị y tế và chất lượng dịch vụ y tế.

4. Phát triển thông tin y tế và ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành y tế

Hoàn thiện chuẩn hóa, tích hợp hệ thống thông tin y tế từ tỉnh đến cơ sở; tích hợp, liên thông phần mềm, cơ sở dữ liệu giữa các cơ sở khám chữa bệnh tiến tới xây dựng cơ sở dữ liệu chung của ngành. Xây dựng bệnh viện thông minh tại 70% các bệnh viện tuyến tỉnh, trung tâm y tế huyện.

5. Phát triển dân số

Tiếp tục ưu tiên thực hiện các mục tiêu giảm tỷ lệ sinh, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, giảm tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh và nâng cao chất lượng dân số. Mở rộng cung cấp các dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán và điều trị sớm một số bệnh, tật trước khi sinh và sơ sinh, dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân. Phát huy tối đa lợi thế cơ cấu dân số vàng trong phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

Thúc đẩy các can thiệp nhằm cải thiện sức khỏe bà mẹ và trẻ em, giảm tử vong bà mẹ và trẻ sơ sinh; tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện quy trình chuyên môn để phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các trường hợp cấp cứu sản khoa và

sơ sinh, trong đó chú trọng đến hoạt động quản lý sức khỏe bà mẹ, trẻ em ở tuyến y tế cơ sở và y tế tư nhân.

Kiện toàn tổ chức mạng lưới dân số ở cơ sở. Duy trì vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đẩy mạnh lồng ghép các yếu tố dân số vào xây dựng và thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG Y TẾ

1. Dự báo các yếu tố tác động

Dự báo thời gian tới quy mô dân số của tỉnh tiếp tục tăng nhanh, đến năm 2030 khoảng 2,3 triệu người kéo theo nhu cầu chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh trong nhân dân tiếp tục tăng.

Thời kỳ quy hoạch mức sống, thu nhập của người dân tăng, sự tham gia của y tế ngoài công lập ngày càng tích cực đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ y tế.

Cơ cấu bệnh tật có sự thay đổi, một số bệnh dịch mới, nguy hiểm xuất hiện; các bệnh không lây nhiễm có xu hướng tăng,... yêu cầu ngành y tế phải phát triển quy mô, mạng lưới, trình độ, kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phòng, chữa bệnh cho nhân dân.

2. Quan điểm phát triển

Phát triển ngành y tế một cách hợp lý về quy mô, mạng lưới đi đôi với không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động. Quy mô, mạng lưới các cơ sở y tế y tế phát triển theo hướng tăng cường xã hội hóa, thu hút sự tham gia của hệ thống các cơ sở y tế ngoài công lập; y tế Nhà nước đóng vai trò chủ đạo.

Tập trung phát triển tuyến y tế cơ sở, nhất là tuyến huyện để phát huy vai trò chủ đạo trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, giảm tải cho y tế tuyến trên; từng bước rút ngắn khoảng cách chênh lệch về lợi ích được chăm sóc sức khỏe giữa thành thị với nông thôn. Đồng thời nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

3. Các tiêu chuẩn, quy định áp dụng

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 4470:2012 Bệnh viện Đa khoa - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9213:2012 Bệnh viện quận huyện - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trường cao đẳng diện tích đất sử dụng tối thiểu là 20.000 m² đối với khu vực đô thị và 40.000 m² đối với khu vực ngoài đô thị).

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9210:2012 về Trường dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Quyết định số 4696/QĐ-BYT ngày 27/11/2008 của Bộ Y tế về việc ban hành “Chuẩn Quốc gia Trung tâm y tế dự phòng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”.

Cụ thể: Đảm bảo diện tích sàn xây dựng từ 70-80m²/giường bệnh.

4. Mục tiêu phát triển hạ tầng y tế

Phát triển mạng lưới, cơ sở vật chất các cơ sở, đơn vị của ngành y tế hướng tới đảm bảo cho người dân được tiếp cận thuận lợi với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng, giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống, chất lượng nguồn nhân lực.

Đến năm 2030, giải quyết cơ bản tình trạng quá tải ở các cơ sở khám chữa bệnh; số giường bệnh/vạn dân đạt 40 giường.

5. Quy hoạch phát triển mạng lưới

Đến năm 2030, hệ thống cơ sở y tế công lập tỉnh Bắc Giang có 09 bệnh viện công lập, 10 trung tâm y tế cấp huyện, 209 trạm y tế cấp xã và các đơn vị y tế dự phòng, kiểm soát bệnh tật, an toàn vệ sinh thực phẩm, dân số, kiểm nghiệm; hệ thống cơ sở y tế ngoài công lập tập trung phát triển tại các khu vực đô thị, khu vực tập trung đông dân cư phục vụ thuận lợi cho nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Cụ thể:

5.1. Cơ sở công lập

5.1.1. Tuyển tỉnh

- Duy trì Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Trung tâm kiểm nghiệm.

- Quy hoạch mở rộng quy mô giường bệnh của 08 bệnh viện tuyển tỉnh, gồm: Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản - Nhi, Bệnh viện Phục hồi chức năng, Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Nội tiết và Bệnh viện Ung bướu.

- Quy hoạch chuyển ra vị trí mới Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.

- Quy hoạch mới: Trường Cao đẳng Y tế Bắc Giang (nâng cấp từ Trường Trung cấp Y tế Bắc Giang), Bệnh viện Lão khoa và Trung tâm Cấp cứu 115.

5.1.2. Tuyển huyện

- Duy trì hoạt động Phòng khám đa khoa khu vực Mỏ Trạng, huyện Yên Thế; giải thể 02 Phòng khám đa khoa khu vực Tân Sơn, huyện Lục Ngạn và Mai Sơn, huyện Lục Nam.

- Quy hoạch mở rộng quy mô giường bệnh của 09 trung tâm y tế các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Lạng Giang, Yên Thế, Tân Yên, Hiệp Hòa, Việt Yên và Yên Dũng đáp ứng yêu cầu là trung tâm đa chức gồm khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, y tế dự phòng, dân số và các dịch vụ y tế khác.

- Quy hoạch chuyển vị trí mới Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang để hình thành thành trung tâm y tế đa chức năng trên cơ sở trung tâm hiện nay).

Bảng 4: Quy hoạch giường bệnh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030

STT	Cơ sở y tế	Chỉ tiêu quy mô giường bệnh		
		2020	2025	2030
I	Giường bệnh công lập	4396	5720	7180
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	880	1.200	1.500
2	Bệnh viện Sản – Nhi	610	700	800
3	Bệnh viện PHCN	160	200	250
4	Bệnh viện YHCT	140	200	250
5	Bệnh viện Phổi	230	270	300
6	Bệnh viện Tâm thần	140	150	180
7	Bệnh viện Nội tiết	110	150	200
8	Bệnh viện Ung bướu	216	300	500
9	TTYT huyện Sơn Động	160	180	200
10	TTYT huyện Lục Ngạn	270	320	350
11	TTYT huyện Lục Nam	230	300	350
12	TTYT huyện Lạng Giang	150	200	250
13	TTYT huyện Yên Thế	190	250	300
14	TTYT huyện Tân Yên	250	300	350
15	TTYT huyện Hiệp Hòa	270	350	400
16	TTYT huyện Việt Yên	190	250	300
17	TTYT huyện Yên Dũng	200	250	300
18	TTYT thành phố Bắc Giang	0	0	100
19	Bệnh viện Lão khoa	0	150	300
II	Giường bệnh ngoài công lập	567	1231	2131

STT	Cơ sở y tế	Chỉ tiêu quy mô giường bệnh		
		2020	2025	2030
III	Tổng giường bệnh toàn tỉnh (I + II)	4963	6951	9311
IV	Số giường bệnh/10.000 dân	27	35,1	40

Nguồn: Sở Y tế và nhóm chuyên gia

5.1.3. Tuyển xã

Duy trì 209 trạm y tế xã/phường/thị trấn. Cụ thể theo phương án phát triển của các huyện, thành phố.

Bảng 5: Quy hoạch mở rộng, quy hoạch mới cơ sở y tế công lập GD 2021-2030

TT	Tên đơn vị	Địa điểm	Quy mô đến năm 2030	Quy hoạch tổng diện tích đất đến năm 2030 (ha)	Trong đó:	
					Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất cần bổ sung (ha)
	TỔNG		7.180 GB	69,62	45,68	23,94
I	Quy hoạch mở rộng quy mô tại vị trí hiện có		6.780 GB	60,12	45,68	14,44
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Đường Lê Lợi, TP Bắc Giang	1.500 GB	3,6	3,6	0
2	Bệnh viện Sản - Nhi	Dĩnh kế, đường Lê Lợi, TP Bắc Giang	800 GB	2,7	2,7	0
3	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Km số 5, Quế Nham, Tân Yên	250 GB	3	3	0
4	Bệnh viện Y học cổ truyền	Khu sân bóng C.ty Đạm Hà Bắc, P. Trần Nguyên Hãn, TP Bắc Giang	250 GB	1,4	0,7	0,7
5	Bệnh viện Phổi	Xã Song Mai, TP Bắc Giang	300 GB	2,1	2,1	0
6	Bệnh viện Tâm thần	Xã Song Mai, TP Bắc Giang	180 GB	1,2	1,2	0
7	Bệnh viện Nội tiết	Thôn Mỹ Cầu, Xã Tân Mỹ, TP Bắc Giang	200 GB	3	2	1

TT	Tên đơn vị	Địa điểm	Quy mô đến năm 2030	Quy hoạch tổng diện tích đất đến năm 2030 (ha)	Trong đó:	
					Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất cần bổ sung (ha)
8	Bệnh viện Ung bướu	Thôn Mỹ Cầu, Xã Tân Mỹ, TP Bắc Giang	500 GB	5,3	3,3	2
9	Trung tâm Y tế huyện Sơn Động	Thôn Thượng 2, xã An Châu, Sơn Động	200 GB	3,4	2,4	1
10	Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn	Mình Khai, TT Chũ, Lục Ngạn	350 GB	4,3	4,3	0
11	Trung tâm Y tế huyện Lục Nam	Thôn Thân Phú, TT Đồi Ngô, Lục Nam (cạnh TTYT)	350 GB	3,6	2,1	1,5
12	Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang	Xã Yên Mỹ, Lạng Giang (cạnh TTYT)	250 GB	5,8	2,3	3,5
13	Trung tâm Y tế huyện Yên Thế	Phố Cả Trọng, TT Phồn Xương, Yên Thế	300 GB	2,8	2,8	0
14	Trung tâm Y tế huyện Tân Yên	TT Cao Thượng, huyện Tân Yên (cạnh TTYT)	350 GB	5,2	3,2	2,0
15	Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa	Khu 5, TT Thắng, Hiệp Hòa	400 GB	2,4	2,4	0
16	Trung tâm Y tế huyện Việt Yên	Khu I, thị trấn Bích Động	300 GB	8,6	5,9	2,7
17	Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng	Tiểu khu 5, TT Nham Biền, Yên Dũng	300 GB	1,72	1,68	0,04
II	Quy hoạch chuyển vị trí mới		100 GB	2,2	0	2,2
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Khu số 4 khu vực phía Tây TP Bắc Giang (Xã Tân Mỹ, TP Bắc Giang)		0,7		0,7
2	Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang	Khu 8, Khu đô thị phía Nam TP (Tân Tiến, TPBG)	100 GB	1,5	0	1,5

TT	Tên đơn vị	Địa điểm	Quy mô đến năm 2030	Quy hoạch tổng diện tích đất đến năm 2030 (ha)	Trong đó:	
					Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất cần bổ sung (ha)
III	Quy hoạch mới		300 GB	7,3	0	7,3
1	Bệnh viện Lão khoa	Khu đất dự án BVĐK tỉnh 800 giường (cũ) Thôn Mỹ Cầu, Xã Tân Mỹ, TP Bắc Giang	300 GB	4	0	4
2	Trung tâm Cấp cứu 115	Khu số 4 khu vực phía Tây TP Bắc Giang (Xã Tân Mỹ, TP Bắc Giang)		0,3	0	0,3
3	Trường Cao đẳng Y tế	Khu số 4 khu vực phía Tây TP Bắc Giang (Xã Tân Mỹ, TP Bắc Giang)	500 sinh viên/khóa	3	0	3

Nguồn: Sở Y tế và nhóm chuyên gia

5.2. Các cơ sở y tế ngoài công lập

Tiếp tục khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập như thành lập các bệnh viện, phòng khám đa khoa, chuyên khoa và các cơ sở y tế khác. Ưu tiên phát triển các bệnh viện ngoài công lập chuyên cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao, áp dụng thiết bị công nghệ khám, chữa bệnh hiện đại.

Đến năm 2030, duy trì các bệnh viện hiện có (như: Bệnh viện Đa khoa Sông Thương, Bệnh viện Y học cổ truyền Lan Q, Bệnh viện Đa khoa Sơn Uyên, Bệnh viện Đa khoa quốc tế Hà Nội - Bắc Giang, Bệnh viện Chuyên khoa Mắt quốc tế DND, Bệnh viện Đa khoa Hùng Cường, Bệnh viện Đa khoa tư nhân Tân Dân, BVĐK Anh Quát). Thu hút đầu tư thêm các cơ sở y tế ngoài công lập tại 31 vị trí quy hoạch.

Bảng 6: Quy hoạch mở rộng, quy hoạch mới cơ sở y tế ngoài công lập đến năm 2030

stt	Tên đơn vị	Địa điểm	Diện tích quy hoạch đến năm 2030 (ha)	Trong đó:	
				Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích bổ sung (ha)
	Tổng		105,7	5,2	100,5
I	Quy hoạch mở rộng		12,7	5,2	7,5
1	BVĐK Sông Thương	258 Lê Lợi, Hoàng Văn Thụ, TP Bắc Giang	0,3	0,3	0,0
2	Bệnh viện YHCT LAN Q	25 Á Lữ, Phường Trần Phú, Bắc Giang	4,6	0,2	4,4
3	BVĐK Sơn Uyên (Hiệp Hòa)	25- 27 Lý Thường Kiệt, Đức Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang	1,1	0,9	0,2
4	BVĐK quốc tế Hà Nội - Bắc Giang	Tổ 10, Phú Mỹ 2, phường Đình Kê, TP Bắc Giang	2,2	2,2	0,0
5	Bệnh viện chuyên khoa Mắt quốc tế DND - Bắc Giang	Đường Bàng Bá Lân, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang.	0,7	0,7	0,0
6	BVĐK Hùng Cường (Hiệp Hòa)	108 Tuệ Tĩnh, TT. Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang.	1,0	0,2	0,8
7	BVĐK tư nhân Tân Dân (Yên Dũng)	Xã Tân An, huyện Yên Dũng, Bắc Giang	2,2	0,3	1,9
8	BVĐK Anh Quát	Khu Đồi Đỏ, TT Cao Thượng, Tân Yên	0,6	0,4	0,2
II	Quy hoạch mới		93,0	0,0	93,0
1	Huyện Sơn Động		5,0	0,0	5,0
1.1	Cơ sở y tế Tây Yên Tử (cơ sở số 1)	TT Tây yên tử	5,0	0,0	5,0
2	Huyện Lục Ngạn		7,2	0,0	7,2

stt	Tên đơn vị	Địa điểm	Diện tích quy hoạch đến năm 2030 (ha)	Trong đó:	
				Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích bổ sung (ha)
2.1	Cơ sở y tế tư nhân số 2 (BVĐK Bắc Thăng Long)	Thôn Hựu, xã Trù Hựu, Lục Ngạn	1,2	0,0	1,2
2.2	Cơ sở y tế tư nhân số 3	Thôn Áp, xã Tân Quang, Lục Ngạn	3,0	0,0	3,0
2.3	Cơ sở y tế tư nhân số 4	Thôn Chả, xã Phong Vân, Lục Ngạn	3,0	0,0	3,0
3	Huyện Lạng Giang		11,0	0,0	11,0
3.1	Cơ sở y tế tư nhân số 5	Phía Tây TT Vôi, Lạng Giang	2,5	0,0	2,5
3.2	Cơ sở y tế tư nhân số 6	Thôn Đồng 2, TT Kép, Lạng Giang	2,5	0,0	2,5
3.3	Cơ sở y tế tư nhân số 7	Thôn Sâu, Xã Nghĩa Hòa, LG	2,0	0,0	2,0
3.4	Cơ sở y tế tư nhân số 8	Thôn Nguyên, Xã Mỹ Thái, LG	2,0	0,0	2,0
3.5	Cơ sở y tế tư nhân số 9	Thôn Lái, xã Đại Lâm, Lạng Giang	2,0	0,0	2,0
4	Huyện Yên Thế		1,0	0,0	1,0
4.1	Cơ sở y tế tư nhân số 10	Thị trấn Phồn Xương, Yên Thế	0,5	0,0	0,5
4.2	Cơ sở y tế tư nhân số 11	Mỏ Trạng, xã Tam Tiến, Yên Thế	0,5	0,0	0,5
5	Huyện Tân Yên		12,5	0,0	12,5
5.1	Cơ sở y tế tư nhân số 12	Thôn Lý Cốt, Phúc Sơn, Tân Yên	1,0	0,0	1,0
5.2	Cơ sở y tế tư nhân số 13	Tân Quang, thị trấn Nhã Nam, Tân Yên	2,0	0,0	2,0
5.3	Cơ sở y tế tư nhân số 14	Tiền Đình, Quế Nham, Tân Yên	3,0	0,0	3,0
5.4	Cơ sở y tế tư nhân số 15	Đồng Nội, Ngọc Vân, Tân Yên	2,0	0,0	2,0
5.5	Cơ sở y tế tư nhân số 16	Cầu Càn, Việt Lập, Tân Yên	2,0	0,0	2,0
5.6	Cơ sở y tế tư nhân số 17	Thôn Bì, xã Ngọc Thiện, Tân Yên	2,5	0,0	2,5
6	Huyện Hiệp Hòa		9,0	0,0	9,0

stt	Tên đơn vị	Địa điểm	Diện tích quy hoạch đến năm 2030 (ha)	Trong đó:	
				Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích bổ sung (ha)
6.1	Cơ sở y tế tư nhân số 18	Xã Bắc Lý, Hiệp Hòa	3,0	0,0	3,0
6.2	Cơ sở y tế tư nhân số 19	Bách Nhân, xã Hùng Sơn, Hiệp Hòa	3,0	0,0	3,0
6.3	Cơ sở y tế tư nhân số 20	Tam Hợp, Xã Thanh Vân, Hiệp Hòa	3,0	0,0	3,0
7	Huyện Việt Yên		8,0	0,0	8,0
7.1	Cơ sở y tế tư nhân số 21	Thôn Ninh Khánh, TT Nênh, Việt Yên	2,0	0,0	2,0
7.2	Cơ sở y tế tư nhân số 22	Thôn Ngân Đài, xã Minh Đức, Việt Yên	3,0	0,0	3,0
7.3	Cơ sở y tế tư nhân số 23	Thôn Cao Lôi, xã Ninh Sơn, Việt Yên	3,0	0,0	3,0
8	Huyện Yên Dũng		11,3	0,0	11,3
8.1	Cơ sở y tế tư nhân số 24	Thị trấn Tân An - Yên Dũng	1,7	0,0	1,7
8.2	Cơ sở y tế tư nhân số 25	Thị trấn Nham Biền - Yên Dũng	2,0	0,0	2,0
8.3	Cơ sở y tế tư nhân số 26	Xã Đức Giang - Yên Dũng	3,0	0,0	3,0
8.4	Cơ sở y tế tư nhân số 27	Xã Hương Gián - Yên Dũng	2,9	0,0	2,9
8.5	Cơ sở y tế tư nhân số 28	Xã Tiên Phong - Yên Dũng	1,7	0,0	1,7
9	Thành phố Bắc Giang		20,0	0,0	20,0
9.1	Các cơ sở y tế tại khu quy hoạch đất y tế tư nhân và cơ sở y tế khác (số 29)	Khu số 4, phía Tây TP.Bắc Giang (Xã Tân Mỹ, TP.Bắc Giang)	20,0	0,0	20,0
10	Huyện Lục Nam		8,0	0,0	8,0
10.1	Cơ sở y tế tư nhân số 30	Thôn An Phú, xã Khám Lạng	5,0	0,0	5,0
10.2	Cơ sở y tế tư nhân số 31	Thôn Quỳnh, xã Nghĩa Phương	3,0	0,0	3,0

Nguồn: Sở Y tế và nhóm chuyên gia

6. Nhu cầu sử dụng đất

Tổng diện tích đất quy hoạch lĩnh vực y tế đến năm 2030 là 214,62 ha, trong đó quy hoạch mở rộng, phát triển cơ sở mới là 128,24 ha, cụ thể:

- Khối các đơn vị công lập thuộc cấp tỉnh quản lý (các bệnh viện tuyến tỉnh, các trung tâm y tế cấp huyện, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh...): Tổng diện tích đất quy hoạch các cơ sở, đơn vị y tế do tỉnh quản lý là 69,62 ha, trong đó quy hoạch mở rộng, quy hoạch mới là 23,94 ha.

- Quy hoạch quỹ đất phục vụ mở rộng, đầu tư mới các cơ sở y tế ngoài công lập là 105,7 ha, trong đó quy hoạch mở rộng, quy hoạch mới là 100,5 ha.

- Khối các đơn vị thuộc cấp huyện quản lý (các trạm y tế): Tổng diện tích đất quy hoạch các cơ sở, đơn vị do cấp huyện quản lý 39,3 ha, trong đó nhu cầu đất quy hoạch mở rộng, quy hoạch mới là 3,8 ha.

7. Nhu cầu vốn đầu tư

Tổng nhu cầu vốn đầu tư lĩnh vực y tế đến năm 2030 khoảng 7.205 tỷ đồng, trong đó: Từ nguồn ngân sách nhà nước cấp tỉnh quản lý 5.025 tỷ đồng; nguồn vốn thu hút đầu tư, xã hội hóa 2.180 tỷ đồng.

7.1. Từ nguồn ngân sách Nhà nước

- Khối thuộc tỉnh quản lý 5.025 tỷ đồng để đầu tư xây dựng, sửa chữa các bệnh viện, trung tâm y tế tuyến tỉnh, trường cao đẳng y tế, các trung tâm y tế tuyến huyện...

Bảng 7: Danh mục dự án ưu tiên đầu tư cấp tỉnh quản lý

TT	Danh mục đầu tư	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
	TỔNG	3475	1550
I	Các dự án ưu tiên đầu tư xây dựng mới	3009	1150
1	Dự án khối nhà trung tâm, khối nhà chuyên khoa đặc thù, khoa truyền nhiễm và các hạng mục phụ trợ của BVĐK tỉnh	710	
2	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh TTYT huyện Lạng Giang	118	
3	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Tân Yên	149	
4	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa	171	
5	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Bệnh viện Phục hồi chức năng	102	
6	Xây dựng mới Trường Cao đẳng Y tế Bắc Giang tại vị trí Khu số 4 khu vực phía Tây thành phố Bắc Giang (thuộc xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang)	250	

TT	Danh mục đầu tư	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
7	Xây mới Trung tâm cấp cứu 115 tại vị trí Khu số 4 khu vực phía Tây thành phố Bắc Giang (thuộc xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang).	30	
8	Xây dựng mới Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh tại vị trí Khu số 4 khu vực phía Tây thành phố Bắc Giang (thuộc xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang)	250	
9	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn	140	
10	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Việt Yên	165	
11	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng	150	
12	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Lục Nam	134	
13	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Sơn Động	80	
14	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Yên Thế	120	
15	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Bệnh viện Ung bướu	150	
16	Dự án xây dựng khu khám chữa bệnh và điều trị dịch vụ tự nguyện Bệnh viện Sản Nhi	90	
17	Đầu tư Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang	100	
18	Xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các trạm y tế xã thuộc Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn	100	
19	Xây dựng mới Bệnh viện Lão khoa		380
20	Dự án mở rộng quy mô giường bệnh Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh (giai đoạn 2)		200
21	Đầu tư mở rộng Bệnh viện Ung bướu (giai đoạn 2)		300
22	Đầu tư mở rộng Bệnh viện Nội tiết (giai đoạn 2)		150
23	Xây mới khoa khám bệnh và khoa cận lâm sàng TTYT huyện Lạng Giang		120
II	Các dự án ưu tiên cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các cơ sở y tế	466	400
1	Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh	50	
2	Cải tạo, sửa chữa các khối nhà điều trị nội trú và kỹ thuật Bệnh viện Sản Nhi	120	
3	Cải tạo, sửa chữa khối nhà A, E, F, I, B, dinh dưỡng Bệnh viện Phổi	24	

TT	Danh mục đầu tư	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
4	Cải tạo, sửa chữa nhà điều trị 3 tầng, khu chạy thận nhân tạo, khu truyền nhiễm TTYT huyện Sơn Động	24	
5	Sửa chữa, nâng cấp phòng mổ, siêu âm, chụp X-Quang, phòng đẻ, xét nghiệm, công trình phụ trợ TTYT huyện Lục Nam	26	
6	Cải tạo sửa chữa, nâng cấp TTYT huyện Yên Thế	56	
7	Cải tạo, sửa chữa khoa nội, khoa dược, khoa đông y; Nhà hành chính, khoa nhi - HSCC, Khoa khám bệnh, các phòng chức năng TTYT huyện Hiệp Hòa	56	
8	Cải tạo, sửa chữa nhà khoa khám bệnh, truyền nhiễm và một số khoa điều trị nội trú TTYT huyện Việt Yên	36	
9	Cải tạo, nâng cấp khoa khám bệnh và cận lâm sàng TTYT huyện Yên Dũng	24	
10	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp các cơ sở y tế khác	50	400

7.2. Thu hút đầu tư và xã hội hóa

Để phát triển y tế tư nhân, trong giai đoạn 2021-2030 cần thu hút nguồn vốn đầu tư, xã hội hóa của các tổ chức, cá nhân là 2.180 tỷ đồng để xây dựng các bệnh viện tư nhân, góp phần làm giảm tình trạng quá tải của các tuyến bệnh viện công.

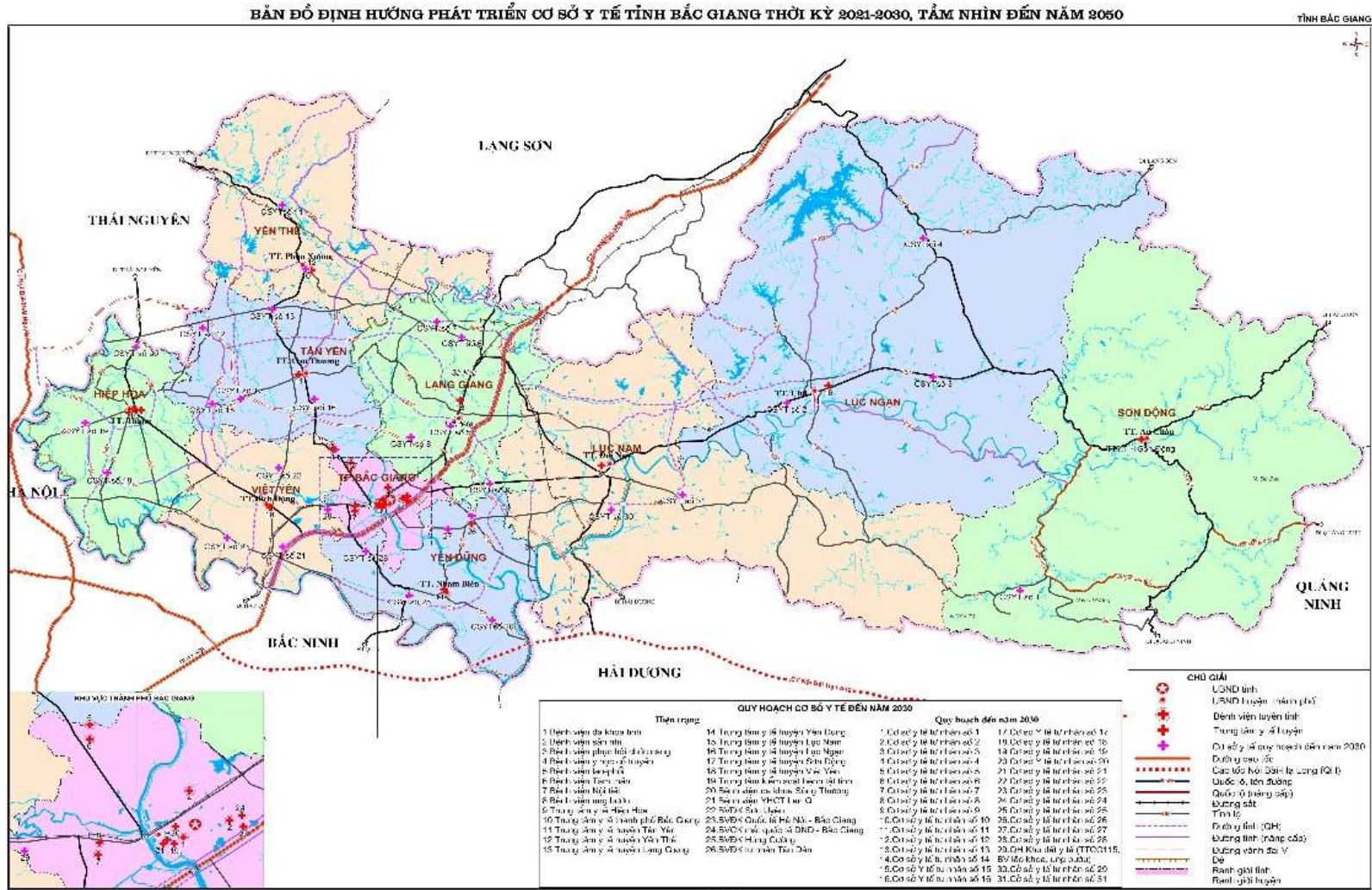
Bảng 8: Danh mục dự án thu hút đầu tư các cơ sở y tế ngoài công lập

STT	Danh mục	Địa điểm	Ghi chú
A	GIAI ĐOẠN 2021-2030		
1	Huyện Sơn Động		
1.1	Cơ sở y tế Tây Yên Tử (cơ sở số 1)	TT Tây Yên Tử	
2	Huyện Lục Ngạn		
2.1	Cơ sở y tế tư nhân số 3	Thôn Áp, xã Tân Quang, Lục Ngạn	
2.2	Cơ sở y tế tư nhân số 4	Thôn Chả, xã Phong Vân, Lục Ngạn	
3	Huyện Lạng Giang		
3.1	Cơ sở y tế tư nhân số 5	Phía Tây TT Vôi, Lạng Giang	
3.2	Cơ sở y tế tư nhân số 6	Thôn Đồng 2, TT Kép, Lạng Giang	
3.3	Cơ sở y tế tư nhân số 7	Thôn Sâu, Xã Nghĩa Hòa, LG	
3.4	Cơ sở y tế tư nhân số 8	Thôn Nguyên, Xã Mỹ Thái, LG	
3.5	Cơ sở y tế tư nhân số 9	Thôn Lái, xã Đại Lâm, Lạng Giang	
4	Huyện Yên Thế		
4.1	Cơ sở y tế tư nhân số 10	Thị trấn Phồn Xương, Yên Thế	
4.2	Cơ sở y tế tư nhân số 11	Mỏ Trạng, xã Tam Tiến, Yên Thế	
5	Huyện Tân Yên		

STT	Danh mục	Địa điểm	Ghi chú
5.1	Cơ sở y tế tư nhân số 12	Thôn Lý Cốt, Phúc Sơn, Tân Yên	
5.2	Cơ sở y tế tư nhân số 13	Tân Quang, TT. Nhã Nam, Tân Yên	
5.3	Cơ sở y tế tư nhân số 14	Tiền Đình, Quế Nham, Tân Yên	
5.4	Cơ sở y tế tư nhân số 15	Đồng Nội, Ngọc Vân, Tân Yên	
5.5	Cơ sở y tế tư nhân số 16	Cầu Càn, Việt Lập, Tân Yên	
6	Huyện Hiệp Hòa		
6.1	Cơ sở y tế tư nhân số 17	Xã Bắc Lý, Hiệp Hòa	
6.2	Cơ sở y tế tư nhân số 18	Bách Nhãn, xã Hùng Sơn, Hiệp Hòa	
6.3	Cơ sở y tế tư nhân số 19	Tam Hợp, Xã Thanh Vân, Hiệp Hòa	
7	Huyện Việt Yên		
7.1	Cơ sở y tế tư nhân số 20	Ninh Khánh, TT Nénh, Việt Yên	
7.2	Cơ sở y tế tư nhân số 21	Ngân Đài, xã Minh Đức, Việt Yên	
7.3	Cơ sở y tế tư nhân số 22	Cao Lôi, xã Ninh Sơn, Việt Yên	
8	Huyện Yên Dũng		
8.1	Cơ sở y tế tư nhân số 23	Thị trấn Tân An - Yên Dũng	
8.2	Cơ sở y tế tư nhân số 24	Thị trấn Nham Biền - Yên Dũng	
8.3	Cơ sở y tế tư nhân số 25	Xã Đức Giang - Yên Dũng	
8.4	Cơ sở y tế tư nhân số 26	Xã Hương Gián - Yên Dũng	
8.5	Cơ sở y tế tư nhân số 27	Xã Tiền Phong - Yên Dũng	
9	Thành phố Bắc Giang		
9.1	Các cơ sở y tế đầu tư tại khu quy hoạch đất y tế tư nhân và cơ sở y tế khác (số 28)	Khu số 4 khu vực phía Tây TP Bắc Giang (Xã Tân Mỹ, TP Bắc Giang)	
10	Huyện Lục Nam		
10.1	Cơ sở y tế tư nhân số 29	Thôn An Phú, xã Khám Lạng	
10.2	Cơ sở y tế tư nhân số 30	Thôn Quỳnh, xã Nghĩa Phương	

Nguồn: Sở Y tế và nhóm chuyên gia

Hình 4: Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế tỉnh Bắc Giang



VI. TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN Y TẾ ĐẾN NĂM 2050

1. Mục tiêu

Đến 2050, hệ thống y tế tỉnh Bắc Giang được hoàn thiện, hiện đại, phù hợp với từng vùng; mạng lưới y tế cơ sở được củng cố vững chắc; y tế chuyên sâu phát triển ngang tầm với các thành phố lớn. Kết hợp hài hòa giữa y tế công lập và y tế ngoài công lập, trong đó y tế công lập giữ vai trò nòng cốt; mọi người dân đều được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản có chất lượng cao. Mọi người dân được sống trong cộng đồng an toàn, phát triển tốt về thể chất và tinh thần, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, đáp ứng yêu cầu nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Phương hướng

Phát triển hệ thống y tế dự phòng đồng bộ đủ khả năng dự báo, kiểm soát các bệnh lây nhiễm, bệnh không lây nhiễm và bệnh liên quan đến môi trường sống. Đầu tư đồng bộ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đạt chuẩn quốc gia và chuẩn quốc tế về phòng xét nghiệm an toàn sinh học đạt cấp 3 trở lên.

Sau năm 2030 trở đi hệ thống cơ sở khám chữa bệnh được đánh giá theo hạng bệnh viện, từng bước tiếp cận tiêu chuẩn chất lượng khu vực và quốc tế. Người bệnh được tiếp cận cơ sở khám chữa bệnh không theo địa giới hành chính. Các bệnh viện được quyền tiếp nhận người bệnh chuyển từ trạm y tế xã, bác sĩ gia đình hoặc các bệnh viện được giao nhiệm vụ khám chữa bệnh ban đầu trong hệ thống bảo hiểm y tế.

Mở rộng phát triển mạng lưới bác sĩ gia đình để làm nhiệm vụ khám chữa bệnh và dự phòng ngay tại cộng đồng.

Các cơ sở y tế có khả năng, điều kiện triển khai ứng dụng mạnh mẽ những thành tựu khoa học kỹ thuật mới, công nghệ y học tiên tiến như công nghệ phân tử, công nghệ nano... trong công tác phòng bệnh, khám chữa bệnh.

3. Phát triển hạ tầng

Đầu tư mở rộng, phát triển cơ sở hạ tầng y tế đạt các tiêu chuẩn xây dựng quốc gia và tiếp cận các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế. Tiếp tục đầu tư mới các bệnh viện chuyên khoa. Phấn đấu đến năm 2050, toàn tỉnh đạt 50 - 55 giường bệnh/10.000 dân.

VII. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Nhóm giải pháp về quản lý nhà nước về y tế

Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng hệ thống chính sách về y tế phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Phát triển cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp. Phân cấp quyền hạn, chức năng rõ ràng theo thẩm quyền cho từng cơ quan, cá nhân trong hệ thống quản lý. Đổi mới toàn diện cơ chế quản lý, điều hành về tài chính, nhân lực tại các cơ sở trong ngành.

Thực hiện tốt quản lý nhà nước về công tác y tế trên địa bàn và thống nhất quản lý đối với các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập.

Nâng cao kiến thức quản lý nhà nước, kiến thức về pháp luật, kiến thức về tâm lý xã hội, kỹ năng giao tiếp cho cán bộ y tế. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ và y đức của cán bộ y tế.

Ban hành các chính sách đặc thù nhằm thu hút đầu tư, mở rộng liên doanh, liên kết để phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cấp trang thiết bị cho các cơ sở y tế và những chính sách ưu đãi trong bố trí quỹ đất, đào tạo, đãi ngộ, sử dụng... đối với nhân lực y tế nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương.

Xây dựng chương trình đẩy mạnh hợp tác với các tỉnh, đặc biệt các cơ sở y tế đầu ngành trong mọi lĩnh vực y tế (khám chữa bệnh, dự phòng, đào tạo, nghiên cứu, sản xuất,...) nhằm chia sẻ, trao đổi học tập kinh nghiệm; tăng cường quan hệ hợp tác y tế với các tổ chức quốc tế, các viện, các trường trong khu vực; tranh thủ mọi sự hợp tác, hỗ trợ về kinh phí, kỹ thuật trong các lĩnh vực đào tạo, chuyển giao công nghệ kỹ thuật cao... từ các đối tác trong và ngoài nước.

Xây dựng chương trình, kế hoạch tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức của mọi người dân về lối sống, hành vi ảnh hưởng đến sức khỏe như hút thuốc lá, lạm dụng rượu bia, tình dục không an toàn, dinh dưỡng không hợp lý, sức khỏe học đường, dân số - kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản, rèn luyện thể dục - thể thao, giúp người dân có các kiến thức cơ bản về phòng chống bệnh tật, thay đổi hành vi có lối sống lành mạnh, tự rèn luyện để giữ gìn và nâng cao sức khỏe.

2. Nhóm giải pháp về đổi mới tài chính và huy động nguồn lực đầu tư

Tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước trong lĩnh vực y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở; hàng năm dành ít nhất 30% ngân sách y tế cho công tác y tế dự phòng. Quan tâm cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho các cơ sở y tế công lập. Ưu tiên đầu tư nguồn lực nhà nước đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số.

Tăng cường tính tự chủ tự chịu trách nhiệm của các cơ sở y tế công lập. Đẩy mạnh phương thức nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng và thực hiện cơ chế giá gắn với chất lượng dịch vụ, khuyến khích sử dụng dịch vụ y tế ở tuyến dưới. Áp dụng mô hình quản trị đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư như quản trị doanh nghiệp.

Đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa y tế, huy động các nguồn lực phát triển hệ thống y tế và nâng cao chất lượng dân số. Đa dạng các hình thức hợp tác công - tư, đảm bảo minh bạch, công khai. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở y tế, tập trung vào cung cấp dịch vụ cao cấp, theo yêu cầu. Quan tâm vận động các nguồn viện trợ phát triển chính thức (ODA) và không chính thức triển khai các chương trình, dự án y tế, dân số trên địa bàn tỉnh.

3. Nhóm giải pháp về phát triển khoa học công nghệ

Chú trọng ứng dụng kỹ thuật hiện đại và công nghệ mới thích hợp với từng tuyến phục vụ cấp cứu, chẩn đoán, điều trị và dự phòng; tăng cường chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y dược tại các cơ sở tuyến tỉnh, tuyến huyện.

Ưu tiên ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý chất thải y tế. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám, chữa bệnh, phòng bệnh, xây dựng các bệnh viện thông minh, áp dụng bệnh án điện tử; khám, chữa bệnh từ xa; triển khai hệ thống PACS (hệ thống lưu trữ và truyền hình ảnh) trong chẩn đoán hình ảnh tại tất cả cơ sở khám chữa bệnh.

4. Giải pháp huy động vốn đầu tư và đảm bảo quỹ đất đầu tư dự án

Xây dựng kế hoạch lồng ghép, huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển quy hoạch y tế, bao gồm: ngân sách Nhà nước, Trái phiếu Chính phủ, vốn vay ODA, vốn vay tổ chức tín dụng ngân hàng và vốn đầu tư, đóng góp của các tổ chức, cá nhân.

Tích cực thực hiện tự chủ về tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và Nghị quyết số 140-NQ/TU ngày 23/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề huy động vốn đầu tư cho công tác y tế.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân góp vốn đầu tư vào lĩnh vực dược, trang thiết bị y tế, lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.

Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào lĩnh vực y tế, nhất là thu hút đầu tư các dự án xây dựng bệnh viện hiện đại, cung cấp dịch vụ y tế chất lượng cao.

Ưu tiên dành quỹ đất cho xây dựng và phát triển các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập. Bố trí đủ diện tích đất để các bệnh viện, trung tâm y tế xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh theo các Tiêu chuẩn quốc gia về xây dựng bệnh viện.